Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: - Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH. Đại diện bởi: CN Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH – Công ty Điện lực Bến Cát. - Địa chỉ: Số 68, Đường 30/4, Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh. - Mã số thuế: 0300951119-007. - Tài khoản: 116893499999 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Sài Gòn. - Điện thoại: (+84) 02743939989. - Email: pcbencat@hcmpc.com.vn.
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ *[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]*
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: xã Phước Hòa, Phước Thành - thành phố Hồ Chí Minh.
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Không có.
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: - Biên bản thương thảo hợp đồng. - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Không áp dụng.
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
E-ĐKC 10	10.1. Tạm ứng: Không thực hiện. 10.2. Thanh toán: - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: 01 lần sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình.

	- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu tư vấn, chủ đầu tư phải hoàn thành các thủ tục và thanh toán cho nhà thầu. + Sau khi hồ sơ BCKTKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư căn cứ biên bản nghiệm thu, Bảng xác định kinh phí thanh toán, hợp đồng và các phụ lục hợp đồng được ký giữa hai bên để thanh toán 100% chi phí khảo sát và 80% chi phí lập BCKTKT (giá trị còn lại của hợp đồng được quy định: chi phí lập BCKTKT theo hợp đồng); + Sau khi công trình nghiệm thu và đưa vào sử dụng, chủ đầu tư căn cứ hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (nếu có) để thanh toán tiếp 20% giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu; + Hồ sơ thanh toán gồm: i. Bảng xác định kinh phí thanh toán, ii. Biên bản nghiệm thu báo cáo khảo sát, iii. Biên bản nghiệm thu hồ sơ BCKTKT, iv. Hồ sơ BCKTKT v. Giấy đề nghị thanh toán của nhà thầu.
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: **30 ngày** (Bao gồm chủ nhật và các ngày nghĩ lễ) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: Trong vòng **03 ngày** *(kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh).* Điều chỉnh hợp đồng: + Thay đổi vị trí xây dựng dự án; + Thay đổi công năng sử dụng chính; + Trường hợp có phát sinh tăng hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng tư vấn là nằm ngoài phạm vi hợp đồng đã ký), hoặc phát sinh giảm (đối với những công việc không thực hiện được theo hợp đồng, khi có yêu cầu của chủ đầu tư). - Nếu những trường hợp trên phát sinh hoặc có xu hướng phát sinh, nhà thầu sẽ thông báo cho chủ đầu tư trước khi thực hiện công việc. Không có chi phí phát sinh nào được thanh toán trừ khi được chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi tiến hành công việc; - Chi phí phát sinh sẽ được tính toán, thỏa thuận và thanh toán giữa chủ đầu tư với nhà thầu thông qua việc ký kết phụ lục hợp đồng.

E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Không có.
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: trong vòng **03 ngày** làm việc.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : Không áp dụng.
E-ĐKC 17	**1. Phạt vi phạm hợp đồng:** Áp dụng. *** Đối với nhà thầu:** **a) Nguyên tắc:** Nội dung vi phạm/ sai sót về chất lượng hoặc các thiếu sót trong hồ sơ tư vấn dẫn đến hậu quả: việc triển khai thực hiện không đúng quy định của pháp luật, quy định của cấp có thẩm quyền (Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty), quy định của hợp đồng như khảo sát thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, sai định mức, đơn giá,..; hoặc việc triển khai thực hiện gây thiệt hại cho chủ đầu tư (phát sinh chi phí, lãng phí, gây sự cố công trình, đưa ra giải pháp khảo sát, thiết kế không phù hợp dẫn đến không thể triển khai thi công trong thực tế) được quy định, như sau: - Vi phạm trong công tác khảo sát: +Vi phạm trong thu thập, tính toán các số liệu về khí tượng – thủy văn. +Vi phạm trong công tác khảo sát địa hình (đo đạc, xây dựng các mốc địa hình, các bản đồ địa hình, các mặt cắt địa hình,...). +Vi phạm trong công tác khảo sát địa chất (bản đồ địa chất công trình, công tác địa vật lý, công tác khoan/ đào địa chất, công tác bảo quản nõn khoan,...). +Vi phạm trong việc điều tra, khảo sát, thống kê, xác định khối lượng các ảnh hưởng, tác động bởi Dự án/ công trình... (diện tích chiếm đất, khối lượng bồi thường, di dân tái định cư, giải phóng mặt bằng,... các số liệu, tài liệu liên quan đến xác lập báo cáo ĐTM,...). +Vi phạm trong công tác phân tích, đánh giá kết quả và xác lập các chỉ tiêu khảo sát về khí tượng thủy văn, địa hình, địa chất (chỉ tiêu cơ lý đất đá, phân lớp địa chất công trình, động đất, kiến tạo,...). +Vi phạm trong công tác cập nhật hạ tầng ngầm.

	+Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan. - Vi phạm trong công tác thiết kế: +Vi phạm trong việc áp dụng các tiêu chuẩn thiết kế, phân loại cấp công trình và nhóm công trình, lựa chọn tần suất tính toán thiết kế (về thủy văn, sóng, gió,...) đối với hạng mục/ công trình,.... +Vi phạm trong phân tích sự cần thiết đầu tư, phân tích kinh tế - tài chính của Dự án. +Vi phạm trong việc lựa chọn, xác định tổ hợp tải trọng tác động lên hạng mục/ công trình,... trong các trường hợp tính toán. +Vi phạm trong việc tính toán, phân tích lựa chọn phương án, lựa chọn tuyến, thiết kế bố trí hạng mục/ tổng thể công trình và các hạng mục công trình phụ trợ,.... +Vi phạm trong giải pháp thiết kế, lựa chọn công nghệ. +Vi phạm trong tính toán, thiết kế đối với từng cấu kiện, bộ phận, hạng mục, trong Hồ sơ thiết kế của Dự án/ công trình. +Vi phạm trong việc xác lập, kiến nghị biện pháp tổ chức xây dựng, biện pháp thi công hạng mục/ công trình. +Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật có liên quan. +Vi phạm trong bóc tách khối lượng từ bản vẽ, bản vẽ thiết kế sai sót,… +Các vi phạm, sai sót chủ quan khác dẫn đến phải sửa đổi thiết kế trong quá trình chọn thầu, trong quá trình thi công, nghiệm thu. - Vi phạm trong công tác lập, thẩm tra chi phí: +Vi phạm trong việc tuân thủ các quy định về quản lý chi phí ĐTXD được ban hành và có hiệu lực đối với từng thời kỳ. +Vi phạm trong việc tuân thủ nội dung hồ sơ kỹ thuật (khảo sát, thiết kế các giai đoạn: khối lượng, biện pháp tổ chức xây dựng/biện pháp thi công, các điều kiện tự nhiên liên quan,…). +Áp dụng/vận dụng định mức, đơn giá và các chế độ trong tính toán, xác định chi phí không đúng. +Các sai sót trong quá trình tính toán, xác định chi phí. +Vi phạm thời gian thực hiện và/hoặc không đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định khi trình duyệt (kể cả các tài liệu gửi qua e.mail, D.office, phần mềm quản lý ĐTXD…). +Xác định TMĐT/DTXD/dự toán gói thầu có giá chi phí chênh lệch lớn hơn ± 10 % so với kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt. - Các nội dung vi phạm khác: +Nội dung hồ sơ không thống nhất (do lỗi chủ quan của tư vấn) dẫn đến việc: hồ sơ dự án, thiết kế, hồ sơ mời thầu bị cơ quan có thẩm quyền/ cấp có thẩm quyền thẩm định, phê

	duyệt trả về yêu cầu hiệu chỉnh (Sở Công Thương TP.HCM, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Sở Xây dựng TP.HCM, Bộ Xây dựng, đặc biệt là Tập đoàn Điện lực Việt Nam trả hồ sơ yêu cầu hiệu chỉnh, các nhà thầu tham dự thầu phát hiện sai sót trong hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu gửi văn bản đề nghị bên mời thầu làm rõ). +Về việc lựa chọn phương án bố trí tổng thể mặt bằng chưa tối ưu (làm ảnh hưởng đến: công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; khả năng mở rộng của công trình; khó khăn trong sửa chữa, thay thế VTTB, vận hành hệ thống,…). +Hồ sơ tư vấn, hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu làm hạn chế Nhà sản xuất, Nhà thầu tham dự. +Đối với các vi phạm khác: các đơn vị nhận dạng theo hướng dẫn về xử lý sai phạm trong đầu tư xây dựng tại chương X – QĐ 70 để áp dụng cho phù hợp. **b) Mức phạt:** - Xử lý vi phạm theo các nội dung trong Quyết định số 5041/QĐ-EVNHCMC ngày 30/09/2025. + Giá trị phạt do vi phạm về tiến độ được tính = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các đơn vị tự quyết định). + Giá trị phạt do vi phạm về chất lượng được tính = tỉ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (hoặc giá trị hợp đồng trong trường hợp không xác định được giá trị phần bị vi phạm) đã ký; được tính lũy kế các lần 1 phạt 5 %, lần 2 phạt 7 %, lần 3 phạt 12 %; Tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng. **Ghi chú:** - Đề nghị Nhà thầu chào riêng giá trị của từng hạng mục công việc như: công tác khảo sát; công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế kỹ thuật; công tác lập thiết kế, dự toán sau thiết kế cơ sở;… làm cơ sở tính giá trị phạt hợp đồng khi nhà thầu có vi phạm **- Về cam kết đại diện thường trực:** + Trong trường hợp nhà thầu không có công ty hoặc chi nhánh tại TP. HCM thì nhà thầu phải cam kết cử đại diện có thẩm quyền có mặt tại công trường trong vòng 01 ngày kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của Chủ đầu tư để giải quyết các vấn đề liên quan đến dự án.

	+ Nhà thầu đã cam kết thực hiện cam kết đại diện thường trực nêu trên, nếu vi phạm lần 1 sẽ bị nhắc nhở, vi phạm lần 2 sẽ phạt 0,2% giá trị hợp đồng, vi phạm lần 3 sẽ phạt 0,5% giá trị hợp đồng và nếu vi phạm lần 4 sẽ trình chủ đầu tư cấmnhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu khác trong Tổng Công ty Điện lực TP.HCM. *** Đối với Chủ đầu tư:** **-** Đối với các hợp đồng sử dụng vốn trong nước (nguồn khấu hao, vốn vay tín dụng thương mại, …): thời hạn thanh toán không được kéo dài quá 14 ngày làm việc kể từ ngày bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trong đó, thời gian cấp phát vốn của cơ quan Tổng công ty là 06 ngày làm việc và thời gian giải quyết của các Đơn vị là 08 ngày làm việc. **-** Các Đơn vị lập biên bản giao nhận hồ sơ thanh toán, thực hiện kiểm tra ngay khi nhận hồ sơ làm cơ sơ để tính thời hạn thanh toán. **2. Bồi thường thiệt hại:** Áp dụng. **a) Đối với nhà thầu:** Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định ở **Điều 1**, bên nhận thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của bên nhận thầu theo các nội dung quy định tại **Điều 1** (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng. *Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng.* Trong đó: - Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,… do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hoặc cung cấp hàng hóa gây ra (thiết kế sai quy chuẩn, tiêu chuẩn, lựa chọn vị trí, địa điểm không phù hợp dẫn đến thi công xong phải đập bỏ, thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố,…) *(trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này).*

	- Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng. **b) Đối với chủ đầu tư:** - Trường hợp, chủ đầu tư thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng và đã chịu phạt như quy định tại **Điều 1** như trên thì không thực hiện việc bồi thường.
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: - Thực hiện công tác tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật không đúng yêu cầu theo nhiệm vụ thiết kế và phương án đầu tư đã được thông qua. - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm tương đương hoặc trong vòng **07 ngày làm việc** kể từ ngày nhận thông báo của chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ trong việc thực hiện nghĩa vụ của nhà thầu theo hợp đồng mà nhà thầu vẫn không có biện pháp sửa chữa sai sót hoặc tiến hành khắc phục hoặc phối hợp với chủ đầu tư khắc phục sai sót hoặc: Bị phạt đến 12% giá trị hợp đồng; hoặc Nhà thầu tư vấn tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng.
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: - Không bàn giao mặt bằng, không cung cấp tài liệu, số liệu và các văn bản pháp lý cần thiết cho nhà thầu để làm căn cứ lập hồ sơ hoàn công công trình. - Chủ đầu tư rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể; - Chủ đầu tư tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng.
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: - Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, cùng bàn bạc giải quyết và (nếu cần) được lập thành văn bản phụ lục hợp đồng. Các phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này; - Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động thương lượng, hợp tác giải quyết; - Nếu sau 28 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua Tòa kinh tế thuộc Toà án Nhân dân Thành phố

	Hồ Chí Minh. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt; - Quyết định của Tòa kinh tế thuộc Toà án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí tòa án.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Công ty Điện lực Bến Cát. - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Số 68, Đường 30/4, Phường Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh. - Điện thoại: (+84) 02743939989 - E-mail: pcbencat@hcmpc.com.vn Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ - Điện thoại: _____ - Fax: _____ - E-mail: _____